

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-PT
Ngày 23 - - 2022
V/v tranh chấp quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Lê Văn Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thùy An, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐ-PT ngày 18/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐ-PT ngày 17/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐ-PT ngày 16/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông K’W; địa chỉ: Bon R, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

2. Bị đơn: Anh Lương Thanh H; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà H’Đ và bà H’G; cùng địa chỉ: Bon R, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

Chị Hoàng Thị A; địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Đình C; cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông;

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị Q - Có mặt;

Bà H'B; địa chỉ: Bon Rg, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

4. Những người làm chứng:

Ông K'P – Có mặt;

Ông K'J – Có mặt;

Anh K'H – Vắng mặt;

Ông Y Đ – Có mặt;

Bà Lê Thị K – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Bon R'S, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

5. Người phiên dịch cho bà H'D: Bà H'G; địa chỉ: Bon R'S, xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

6. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/12/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông K'W trình bày: Năm 1988 vợ chồng ông khai hoang diện tích đất có tứ cận: Một phía giáp đường; một phía giáp suối; một phía giáp khe nước (hiện nay là Cống Lớn); phía còn lại giáp đất thờ cúng và sinh hoạt của thôn (bắt đầu từ đất có căn nhà xây hai tầng của anh H về phía Cống Nhỏ); khi khai hoang có ông K'P và ông K'J tham gia phát dọn bằng hình thức đổi công; sau khi khai hoang vợ chồng ông trồng bắp, đậu nành được khoảng 03 năm thì người dân về cư trú đông và chăn nuôi gia súc nên ông bà không canh tác nữa mà để đất trống, thỉnh thoảng ông bà vẫn đi qua trông coi đất. Khi anh H nhận chuyển nhượng đất của ông K'K và làm nhà trên đất thì ông bà biết nhưng không biết cụ thể nội dung thỏa thuận chuyển nhượng; anh H làm nhà trên phần đất của ông K'K nên ông bà không có ý kiến.

Nguồn gốc diện tích đất anh H làm nhà là đất cộng đồng, dân làng thường tập trung các dịp lễ, hội. Năm 2017, bà Q cho ông K'W xem giấy mua bán đất của anh H thì ông cũng đã nói với bà Q về việc đất đó là đất thờ cúng; đồng thời ông cũng cho rằng đất bà Q mua của anh H là phần đất anh H mua của ông K'K, không liên quan đến phần đất của vợ chồng ông nên ông không có ý kiến. Năm 2019, vợ chồng ông làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì anh H tranh chấp cho rằng diện tích đất do ông K'K chuyển nhượng cho anh H. Theo giấy sang nhượng anh H cung cấp thể hiện diện tích đất chuyển nhượng gồm cả phần đất của vợ chồng ông nên việc chuyển nhượng này là không đúng và vợ chồng ông không biết. Khi vợ chồng ông hỏi bà H'Gr (vợ ông K'K) thì bà cho rằng chỉ sang nhượng đến phần đất anh H làm nhà, không sang nhượng diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, ông K'W khởi kiện yêu cầu anh H trả lại diện tích đất 1.220,5m² có tứ cận nêu trên.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lương Thanh H trình bày: Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K'K năm 2013 (ông K'K đã chết năm 2018); thời điểm nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, việc chuyển nhượng bằng giấy viết tay không được công chứng, chứng thực nhưng có chữ ký của anh H và ông K'K; người làm chứng là anh K'H. Khi chuyển nhượng không xác định diện tích cụ thể, chỉ xác định diện tích đất có tứ cận một phía giáp đường, một phía giáp suối, hai bên còn lại giáp cống. Khi thỏa thuận chuyển nhượng anh H chỉ trao đổi với ông K'K, vợ (bà H'Gr) và mẹ vợ ông K'K (bà H'D) biết việc chuyển nhượng đất và có đến vị trí đất khi đi chỉ ranh. Bà H'D không biết nói tiếng phổ thông nên anh H không trao đổi được, còn bà H'Gr nói việc sang nhượng do chồng bà quyết định. Giá trị chuyển nhượng là 12.000.000 đồng, vợ chồng anh H đã thanh toán tiền 02 lần; lần đầu thanh toán 5.000.000 đồng tại thời điểm viết giấy sang nhượng (anh H là người viết giấy; số tiền còn lại các bên hẹn khi nào làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ sẽ giao. Khi chuyển nhượng đất ông K'K có nói đất chuyển nhượng là đất thiêng, làng sử dụng vào việc thờ cúng nên anh H mua đất thì phải làm thịt heo để cúng. Sau khi viết giấy sang nhượng và giao tiền, anh H mua con heo 70kg, 01 chổi rượu cần, bánh kẹo và nước ngọt hết khoảng 4.000.000 đồng; khoảng một thời gian sau ông K'K gặp anh H xin thêm 2.000.000 đồng với lý do đất này là của bà phát (anh H không hỏi rõ là mẹ đẻ hay mẹ vợ ông K'K). Khi nhà nước đo đạc đất tập trung cho toàn xã Đắk R'măng thì có vợ chồng ông K'K ra chỉ ranh khi đo đạc là toàn bộ phần đất nằm giữa hai cống lớn và cống nhỏ, phía trước giáp đường, phía sau giáp suối. Diện tích đất anh H nhận chuyển nhượng khi đo đạc tập trung anh H đứng tên trong sổ địa chính bao gồm cả phần đất chuyển nhượng cho bà Q.

Năm 2014, vợ chồng anh H làm căn nhà gỗ tại vị trí đất giữa hai cống; khi cúng lễ làm nhà thì ông K'K có nói anh H phải mua heo cho B (ông K'W) vì ông B cũng có phần nhưng khi cúng đãi làng ông B không có mặt nên mua bù. Vì để thuận lợi trong việc làm nhà nên anh H đưa cho ông K'K 2.000.000 đồng để ông mua heo, còn thực tế ông K'K có mua hay không thì anh H không biết. Năm 2015 vợ chồng anh H làm căn nhà 02 tầng liền kề với nhà gỗ về phía cống dưới (Cống lớn); phần diện tích đất còn lại vợ chồng anh H chưa sử dụng nhưng có trồng 03 cây tre phía giáp suối để giữ đất; cũng trong năm 2015 gia đình K'K khó khăn nên vợ anh H đã giao đủ 7.000.000 đồng còn lại; vợ anh H là người viết giấy và tự ký, ghi họ tên của anh H. Từ khi vợ chồng anh H nhận chuyển nhượng đất cho đến năm 2019 không có ai tranh

chấp; sau đó anh H nghe nói ông K'W làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất từ cổng dưới đến giáp nhà xây 02 tầng nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Năm 2014, bà Q hỏi mua đất để làm sân phơi thì anh H đồng ý bán cho bà Q phần đất trũng, các bên không đo diện tích, chiều dài cụ thể chỉ nói miệng về ước lượng diện tích khoảng $\frac{1}{2}$ chiều dài mặt đường của lô đất anh H nhận chuyển nhượng; vị trí đất chuyển nhượng từ trụ điện (gần nhà vệ sinh nhà xây 02 tầng) về phía đất ông B; các bên có viết giấy sang nhượng với nhau nhưng không công chứng, chứng thực vì thời điểm đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ; anh H sang nhượng đất cho bà Q với giá tiền 7.000.000 đồng, đã nhận tiền và giao đất cho bà Q nhưng chưa cắm ranh cụ thể, mới chỉ xác định phần đất trũng là của bà Q, còn phần đất cao là của gia đình anh H. Khoảng năm 2014, bà Q có thuê xe chuyển các bụi tre từ đất nhà bà Q xuống giáp suối để giữ đất và đổ 02 – 03 xe đất tạo mặt bằng để máy bơm tưới nước, ngoài ra bà Q không canh tác gì khác trên đất. Anh H chưa hoàn thành thủ tục sang tên cho bà Q nên anh H là người tranh chấp với ông K'W, sau khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì anh H mới làm thủ tục tách thửa cho bà Q. Hiện nay ông K'W khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất 1.220,5m² thì vợ chồng anh H không đồng ý vì đất là do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H'D trình bày: Năm 1988, bà H'D chuyển từ xã Q đến sinh sống tại thôn 2, xã Đ; vợ chồng bà có khai hoang lô đất liền kề với đất của ông K'W tại thôn 7, xã Đ có chiều dài theo mặt đường khoảng 100m; hai bên giáp đất ông K'W và cổng thoát nước; phía sau giáp suối lớn. Sau khi khai hoang gia đình bà trồng lúa và bắp khoảng 03 năm thì người dân địa phương chăn nuôi gia súc phá hoa màu nên không trồng nữa mà để đất trống. Khi đó già làng (bố của ông K'W) có nói vị trí đất của vợ chồng bà khai hoang là đất của Bon làng thực hiện việc thờ cúng và xem bói nên gia đình để lại cho Bon làng để thực hiện việc thờ cúng. Đến năm 2013 anh H nhiều lần đến hỏi ông K'K mua đất nhưng ông không chuyển nhượng vì là đất của bà H'D. Sau đó anh H đến hỏi và thuyết phục thì bà H'D đồng ý chuyển nhượng với giá 7.000.000 đồng. Thời điểm chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, khi làm giấy tờ chuyển nhượng anh H đưa cho bà H'D 2.000.000 đồng; hai tuần sau anh H đưa cho bà H'D 5.000.000 đồng; giấy sang nhượng do anh H viết, nội dung như thế nào thì bà không biết, người ký tên trong giấy sang nhượng là ông K'K. Diện tích đất tranh chấp giữa ông K'W và anh H không phải đất gia đình bà chuyển nhượng cho anh H nên bà chỉ xác nhận diện tích đất tranh chấp là đất của ông

K'W. Đối với tranh chấp đất giữa ông K'W và anh H thì bà H'D không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H'G trình bày: Bà là con gái bà H'D, vợ của ông K'K, (thường gọi là K'K A để phân biệt vì trùng tên những người khác); bà có cùng với ý kiến trình bày của bà H'D và bổ sung thêm thông tin trong giấy sang nhượng anh H ghi chuyển nhượng phần đất giữa công trên và công dưới là không đúng với phần đất sang nhượng và vị trí đóng cọc gỗ tại thời điểm chuyển nhượng; sau khi xem nội dung giấy sang nhượng bà thấy không giống với chữ ký của chồng bà vì chữ ký của ông K'K to và xấu hơn. Đối với tranh chấp đất giữa ông K'W và anh H thì bà H'G không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày: Năm 2014 vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của anh Lương Thanh H là $\frac{1}{2}$ diện tích đất của anh H giáp công lớn; việc chuyển nhượng chỉ viết giấy tay với nhau không thực hiện công chứng, chứng thực; nội dung giấy sang nhượng do anh H viết, bà Q có bổ sung thêm dòng chữ “được sử dụng vĩnh viễn $\frac{1}{2}$ dt đất trên” do anh H viết chưa rõ ràng và hai bên chưa cầm ranh cụ thể; do đất có vũng nước nên năm 2014 vợ chồng bà có đổ 15 xe đất và trồng 05 bụi che để giữ đất không bị trôi; vào mùa tưới thì vợ chồng bà có đặt máy tưới trên đất nhưng không có ai tranh chấp; năm 2017 bà Q hỏi về thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì được thông báo là đất được kê khai tên anh H; khi bà Q cho ông K'W xem giấy sang nhượng đất với anh H thì ông K'W nói là em ông lỡ bán nên ông sẽ lấy phần đất trên nhà thờ, từ đó cho đến nay vợ chồng bà không canh tác sử dụng đất. Năm 2019 vợ chồng bà được anh H cho biết ông K'W làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với phần đất ông bà nhận chuyển nhượng. Anh H chưa hoàn thành thủ tục sang tên cho bà Q nên anh H là người tranh chấp với ông K'W, sau khi được cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì anh H mới làm thủ tục tách thửa cho bà. Hiện nay ông K'W khởi kiện yêu cầu trả lại diện tích đất 1.220,8 m² thì vợ chồng bà không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2021/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong, tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 21, Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K'W. Buộc anh Lương Thanh H, chị Hoàng Thị Á, bà Nguyễn Thị Quý và ông Phạm Đình C trả lại cho ông K'W diện tích đất tranh chấp 1.220,8m², có tứ cận: Phía đông giáp đất cống thoát nước; phía tây giáp đất anh H đang sử dụng; phía nam giáp suối; phía bắc giáp đường. Bao gồm các điểm tọa độ: **1** (435094.12; 1330925.40); **2** (435098.64; 1330907.36); **3** (435113.11; 1330907.36); **4** (435144.94; 1330899.59); **5** (435133.50; 1330882.00); **6** (435119.00; 1330884.00); **7** (435087.04; 1330913.57).

Ông K'W, bà H'B phải trả cho bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Đình C 1.340.800 (*một triệu ba trăm bốn mươi nghìn tám trăm*) đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-7-2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K'W.

Tại phiên tòa người kháng cáo: Bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật TTDS; đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Về nội dung: Vị đại diện VKSND tỉnh Đắk Nông đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật TTDS chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Quý, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của ông K'W thì diện tích đất đang tranh chấp là do vợ chồng ông khai hoang vào năm 1988, khi khai hoang có ông K'P và K'J tham gia, sau khi khai hoang gia đình ông trồng bắp, đậu nành được khoảng 03 năm thì không canh tác nữa mà để trống, đến năm 2019 ông K'W kê khai cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì phát sinh tranh chấp với anh Lương Thanh H

Tại Quyết định số: 186/QĐ-UB ngày 27-02-2004, UBND tỉnh Đắk Nông thu hồi 2677,9ha đất Lâm nghiệp của Lâm trường Đ gồm các tiểu khu 1719, 1729, 1736 thuộc xã Đ, huyện G, tỉnh Đắk Nông.

Tại Quyết định số: 187/QĐ-UB ngày 27-02-2004, UBND tỉnh Đắk Nông giao 2610,8 ha diện tích đất thu hồi của Lâm trường Đ cho công ty TNHH T thuê để sản xuất nông nghiệp.

Theo Quyết định số: 1843/QĐ-UB ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh Đắk Nông thu hồi 2.563,3 ha đất của Công ty TNHH T giao cho Ủy ban nhân dân huyện Đ quản lý và bố trí sử dụng.

Như vậy, ông K'W có hành vi chặt phá rừng trái phép của thuộc quyền quản lý của Lâm trường Đ. Sau đó, ông K'W không quản lý, sử dụng đất và không có các loại giấy tờ đất theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 100 Luật đất đai năm 2013). Do đó, ông K'W không được pháp luật bảo hộ khi phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của anh Lương Thanh H: Năm 2013, anh H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông K'K diện tích đất có tứ cận: Phía Đông giáp đường, phía Tây giáp suối, phía Bắc giáp Cống trên, phía Tây giáp Cống dưới (hai lần ghi chữ phía Tây); ký tên phần người mua là anh Lương Thanh H, phần người sang nhượng không ký tên; ký tên người nhận tiền là ông K'K A; ký tên người làm chứng là K'H; người sang nhượng không ký tên. Bà H'D và bà H'G (người nhà của ông K'K) khẳng định diện tích đất chuyển nhượng cho anh H là của bà H'D và không có phần đất hiện nay anh H đang tranh chấp với ông K'W; người làm chứng là ông Y Đ cũng xác nhận ông K'K nhờ đóng làm ranh giữa đất của ông K'K và ông K'W thời điểm cúng đất, vị trí đóng cọc gỗ tại căn nhà 02 tầng của anh H hiện nay (liền kề với vị trí đất tranh chấp) nên các căn cứ trên thể hiện tứ cận ghi trong giấy sang nhượng không đúng với vị trí đất chuyển nhượng trên thực tế. Tuy nhiên, hiện nay ông K'K đã mất nên không thể thực hiện được việc giám định chữ ký. Đồng thời, sau khi nhận chuyển nhượng, anh H sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và tạo lập tài sản, trồng cây đúng với diện tích, tứ cận ghi trong giấy sang nhượng. Đồng thời, theo cung cấp của UBND xã Đ tại biên bản xác minh ngày 28/5/2021 thể hiện thửa đất số 07 tờ bản đồ số 52 đã được ghi trong sổ mục kê ghi tên đăng ký là ông Lương Thanh H; đây cũng là căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định, quyền và nghĩa vụ của anh H đối với diện tích đất tranh chấp theo điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

Bản án sơ thẩm xác định ông K'W là người chặt phá rừng trái phép, không sử dụng đất và không có giấy tờ về đất nhưng chấp nhận đơn khởi kiện, buộc anh Lương Thanh H, chị Hoàng Thị Á, bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Đình C phải trả lại cho ông K'W đất tranh chấp có diện tích 1.220,8m² là trái với quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Đắk Nông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K'W.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông K'W phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Q, sửa bản án sơ thẩm số 17/2021/DSST ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk GLong.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1,2,4 Điều 91; khoản 2 Điều 143; khoản 1 Điều 147; Điều 148; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/QH 13 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K'W đối với anh Lương Thanh H, chị Hoàng Thị Á, bà Nguyễn Thị Q và ông Phạm Đình C phải trả lại cho ông K'W diện tích đất tranh chấp 1.220,8m². có tứ cận: Phía đông giáp đất cống thoát nước; phía tây giáp đất anh H đang sử dụng; phía nam giáp suối; phía bắc giáp đường. Bao gồm các điểm tọa độ: **1** (435094.12; 1330925.40); **2** (435098.64; 1330907.36); **3** (435113.11; 1330907.36); **4** (435144.94; 1330899.59); **5** (435133.50; 1330882.00); **6** (435119.00; 1330884.00); **7** (435087.04; 1330913.57).

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông K'W phải chịu chi phí tố tụng là 5.000.000 đồng (gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, định giá tài sản), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K'W phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Q được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0005915 ngày 13/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk GLong;
- Chi cục THADS huyện Đắk GLong;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tài Sử